

Bản án số: 254/2026/HS-PT
Ngày 20-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

Ông Nguyễn Hữu Lâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hương Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 179/2026/TLPT-HS ngày 12 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu T và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2026/HS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1970 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1943; bị cáo có chồng là Bùi Văn D (là bị cáo trong vụ án, không có kháng cáo) và 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Toàn Minh L, sinh năm 1978 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi thường trú: ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Toàn Văn Đ, sinh năm 1954 và bà Chu Thị V, sinh năm 1953; bị cáo có vợ là Đào Thị Thu T1, sinh năm 1985 và có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị cáo, 11 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn D và Nguyễn Thị Thu T là vợ chồng, chung sống tại nhà riêng tại ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Từ giữa tháng 12/2024, D và T bán số đề cho các đối tượng và giao lại cho Toàn Minh L để hưởng tiền chênh lệch.

Cách thức ghi đề:

- Ghi số có hai chữ số (số đầu, số đuôi);
- Ghi số có ba chữ số (xiu chủ);
- Bao lô (bao lô số có hai chữ số là 18 lô, bao lô số có ba chữ số là 17 lô);
- Số đá (chọn 02 cặp số có hai chữ số khác nhau đá với nhau);
- Xiu chủ (Đánh 3 số của giải 7 và 3 số đuôi của giải đặc biệt (số hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm).

Cách tính kết quả số đề: Dựa vào kết quả xổ số kiến thiết mở thưởng hàng ngày lấy hai số đầu, cuối của các giải thưởng từ giải tám đến giải đặc biệt; lấy ba số cuối của các giải thưởng từ giải bảy đến giải đặc biệt làm kết quả của số đề. Tỷ lệ thắng thua: 1/70 (đánh một ngàn đồng nếu trúng sẽ được bảy mươi ngàn đồng) đối với số có hai chữ số; 1/600 (đánh một ngàn đồng nếu trúng sẽ được sáu trăm ngàn đồng) đối với số có ba chữ số và 1/600 (đánh một ngàn đồng nếu trúng sẽ được sáu trăm năm mươi ngàn đồng) đối với số đá.

Cách thức hưởng tiền chênh lệch:

- Bao lô: bán 14 lô/ 01 số, hưởng chênh lệch 500 đồng/ 01 số.
- Đá: bán 15 lô/ 01 số, hưởng chênh lệch 500 đồng/ 01 số.
- Đầu đuôi: Bán bao nhiêu lấy bấy nhiêu, hưởng chênh lệch 25%.
- Xiu chủ: Bán bao nhiêu lấy bấy nhiêu, hưởng chênh lệch 25%.

Trong ngày 31/12/2024, D và T đã bán số đề các đài Miền Nam gồm: Vũng Tàu, Bến Tre và Bạc Liêu cho 11 đối tượng nhưng do bị kiểm tra phát hiện lúc 15 giờ nên T chưa đưa tiền cho L, cụ thể như sau:

1. Nguyễn Đình Đ1 (sinh năm 1987, nơi thường trú: ấp Bến Trượng, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương)

Đài Vũng Tàu: 03 bao lô 50.000 đồng với số tiền 900.000 đồng

Đài B: 03 bao lô 10.000 đồng với số tiền 180.000 đồng

Tổng số tiền mua số đề của Đ1 là 1.080.000 đồng.

2. Lê Minh C2 (sinh năm 1972, nơi thường trú: ấp Bến Tượng, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương)

Đánh 3 Đài Vũng Tàu, Bến Tre, Bạc Liêu:

- 122 bao lô 5.000 đồng với số tiền 255.000 đồng
- 22 bao lô 20.000 đồng với số tiền 1.080.000 đồng

Tổng số tiền mua số đề của Chỉ là 1.335.000 đồng.

3. Vương Thị T2 (sinh năm 1987, nơi thường trú: ấp Bến Tượng, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương)

Đài Bến Tre: 881 đầu, đuôi 12.000 đồng với số tiền 24.000 đồng

Đài V, Bến Tre, Bạc Liêu: 595 bao lô 2.000 đồng với số tiền 102.000 đồng

Tổng tiền mua số đề của T2 là 126.000 đồng.

4. Nguyễn Văn T3 (sinh năm 1956, nơi thường trú: ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương).

- 52 bao lô 3.000 đồng với số tiền 54.000 đồng
- 252 bao lô 1.000 đồng, đầu đuôi 3.000 đồng với số tiền 23.000 đồng
- 352 bao lô 1.000 đồng, đầu đuôi 3.000 đồng với số tiền 23.000 đồng
- 18 bao lô 7.000 đồng với số tiền 126.000 đồng
- 68 bao lô 4.000 đồng với số tiền 72.000 đồng
- 95 bao lô 4.000 đồng với số tiền 72.000 đồng
- 21 bao lô 3.000 đồng với số tiền 54.000 đồng
- 41 bao lô 3.000 đồng với số tiền 54.000 đồng
- 32 bao lô 4.000 đồng với số tiền 72.000 đồng
- 68, 95 đá 1.000 đồng với số tiền 36.000 đồng
- 41, 21 đá 1.000 đồng với số tiền 36.000 đồng

Tổng số tiền mua số đề của T3 là 622.000 đồng.

5. Nguyễn Ngọc S (sinh năm 1963, nơi thường trú: ấp Bến Tượng, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương)

Đài Vũng Tàu:

- 39, 11, đầu đuôi 10.000 đồng với số tiền 40.000 đồng.
- 51, 91: đầu 10.000 đồng, đuôi 5.000 đồng với số tiền 30.000 đồng

Tổng số tiền mua số đề của S là 70.000 đồng.

6. Nguyễn Thị Thu T (sinh năm 1970, nơi thường trú: ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương)

- 72 bao lô 3.000 đồng, đầu 2.000 đồng, đuôi 10.000 đồng với số tiền 66.000 đồng

- 372 đầu 3.000 đồng, đuôi 3.000 đồng với số tiền 6.000 đồng

- 32 đầu 5.000 đồng, đuôi 5.000 đồng với số tiền 10.000 đồng

Tổng số tiền mua số đề của T là 82.000 đồng.

7. Lương Thị Hồng T4 (sinh năm 1973, nơi thường trú: ấp Bến Tượng, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương)

Đài Vũng Tàu

- 33 đầu 300.000 đồng, đuôi 60.000 đồng với số tiền 360.000 đồng.

- 33 đầu 200.000 đồng, đuôi 40.000 đồng với số tiền 240.000 đồng.

- 815 đầu, đuôi 12.000 đồng với số tiền 24.000 đồng.

Tổng số tiền mua số đề của Hồng T4 là 624.000 đồng.

8. Lê Văn T5 (sinh năm 1971, nơi thường trú: ấp Bến Tượng, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương)

Đài Vũng Tàu

- 10 bao lô 5.000 đồng, đầu đuôi 20.000 đồng với số tiền 130.000 đồng.

- 210 bao 5.000 đồng, xiu chủ 20.000 đồng với số tiền 125.000 đồng.

Tổng số tiền mua số đề của T5 là 255.000 đồng.

9. Nguyễn Thị T6 (sinh năm 1965, nơi thường trú: ấp Bến Tượng, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương)

Đài Bình Dương:

- 32, 33 đầu 10.000 đồng, đuôi 30.000 đồng với số tiền 80.000 đồng

- 11 đầu, đuôi 20.000 đồng với số tiền 40.000 đồng

- 60 bao lô 5.000 đồng với số tiền 90.000 đồng

- 60, 61 đá 1.000 đồng với số tiền 36.000 đồng

Đài B:

- 60 bao lô 5.000 đồng với số tiền 90.000 đồng

- 60, 61 đá 1.000 đồng với số tiền 36.000 đồng

- 860 bao lô 2.000 đồng với số tiền 34.000 đồng

- 39 bao lô 5.000 đồng với số tiền 90.000 đồng

- 239 bao lô 5.000 đồng, đầu đuôi 12.000 đồng với số tiền 109.000 đồng.

Tổng số tiền mua số đề của T6 là 605.000 đồng.

10. Phạm Thị T7 (sinh năm 1973, nơi thường trú: ấp Bến Tượng, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương)

Đài Vũng Tàu

- 95 bao lô 10.000 đồng, đầu đuôi 30.000 đồng với số tiền 240.000 đồng
- 395 đầu đuôi 30.000 đồng với số tiền 60.000 đồng

Tổng tiền mua số đề của T7 là 300.000 đồng

11. Chiêu Kim N (sinh năm 1959, nơi thường trú: ấp Bến Tượng, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương)

Đài Vũng Tàu

- 30, 31, 32, 33, 70 bao lô 3.000 đồng với số tiền 270.000 đồng

12. Giảng Thị T8, sinh năm 1979, (Sinh năm: 1979, nơi thường trú: ấp Phước Hảo, xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang)

Đài Vũng Tàu:

- 76 bao lô 10.000 đồng, đầu 110.000 đồng với số tiền 290.000 đồng
- 65, 38, 24 đầu 20.000 đồng với số tiền 60.000 đồng
- 765 xiu chủ 10.000 đồng với số tiền 20.000 đồng
- 976 xiu chủ 25.000 đồng với số tiền 50.000 đồng
- 460 xiu chủ 15.000 đồng với số tiền 30.000 đồng
- 60 bao lô 5.000 đồng, đầu 30.000 đồng với số tiền 120.000 đồng

Đài B:

- 24 bao lô 30.000 đồng, đầu 120.000 đồng với số tiền 660.000 đồng
- 724 xiu chủ 20.000 đồng với số tiền 40.000 đồng
- 976, 765 xiu chủ 10.000 đồng với số tiền 40.000 đồng
- 65 bao lô 10.000 đồng với số tiền 180.000 đồng
- 65, 25 đá 5.000 đồng với số tiền 180.000 đồng
- 38, 76, 65 đầu 20.000 đồng với số tiền 60.000 đồng
- 724, 765 xiu chủ 20.000 đồng với số tiền 80.000 đồng.

Tổng tiền mua số đề của T8 là 1.810.000 đồng.

Tổng số tiền bán số đề của Bùi Văn D và Nguyễn Thị Thu T là: 1.080.000 đồng + 1.335.000 đồng + 126.000 đồng + 622.000 đồng + 70.000 đồng + 82.000 đồng + 624.000 đồng + 255.000 đồng + 605.000 đồng + 300.000 đồng + 270.000 đồng + 1.810.000 đồng = 7.179.000 đồng.

Ngoài ra, T còn bán số đề cho một người (không rõ lai lịch) đối với Đài V:

- 71, 41, 14 bao lô 5.000 đồng với số tiền 270.000 đồng
 - 441 đầu đuôi 20.000 đồng với số tiền 40.000 đồng
 - 971 đầu đuôi 10.000 đồng với số tiền 20.000 đồng
- Tổng số tiền là 330.000 đồng.

Sau khi ghi số đề, đến 15 giờ sẽ đưa tờ giấy ghi số đề cho Toàn Minh L và đến sau 16 giờ 30 phút khi có xô số kiến thiết các đài M, L sẽ căn cứ vào tờ giấy ghi đề mà T đưa và tính ra số tiền cụ thể, rồi báo lại cho T, sau đó T đưa tiền mặt cho L. Trong ngày 31/12/2024, T và D đã nhận tổng số tiền bán số đề là 6.286.000 đồng. Tuy nhiên, vụ việc bị phát hiện vào lúc 15 giờ ngày 31/12/2024 nên Toàn Minh L chưa nhận được tiền từ vợ chồng Bùi Văn D và Nguyễn Thị Thu T. Quá trình mua bán số đề, Toàn Minh L đã thu lợi bất chính được số tiền 10.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thu T và Bùi Văn D đã thu lợi bất chính được số tiền 800.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) tờ phôi đề ngày 31/12/2024, nội dung: 72 (3) 2 10; 372 3.3; 32 5.5, 01 quyền sở hữu nhãn Aladdin có chứa thông tin mua bán số đề, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A24, màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Y17s, màu xám của Nguyễn Thị Thu T; 01 (một) tờ phôi đề ngày 31/12/2024, nội dung: 881 12 12; 595 (2) 3 đài của Vương Thị T2; 01 (một) tờ phôi đề ngày 31/12/2024, nội dung: 122 (5), 22 (20) 3 đài của Lê Minh C2; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30s, màu đen của Toàn Minh L. Số tiền 6.286.000 đồng từ việc bán số đề ngày 31/12/2024 của Nguyễn Thị Thu T. Số tiền 800.000 đồng thu lợi bất chính từ việc bán số đề của Nguyễn Thị Thu T. Số tiền 10.000.000 đồng thu lợi bất chính từ việc bán số đề của Toàn Minh L.

Tại Cáo trạng số: 29/CT-VKSBC ngày 30/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thu T, Bùi Văn D, Toàn Minh L về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2026/HS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

“1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Thu T 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Toàn Minh L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Bùi Văn D 50.000.000 đồng, tuyên về biện pháp tư pháp, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, các bị cáo Nguyễn Thị Thu T và Toàn Minh L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo hoặc phạt tiền. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về thời hạn kháng cáo đúng theo thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về tội danh: Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội có vai trò đồng phạm giản đơn, cùng nhau thực hiện tội phạm. Bị cáo Nguyễn Thị Thu T là người trực tiếp ghi số đề cho các con bạc, tổng hợp các số đề ra phôi đề, trực tiếp giao lại cho bị cáo Toàn Minh L nhằm mục đích thu lợi bất chính (hưởng tiền chênh lệch 25%); bị cáo Toàn Minh L không trực tiếp ghi số đề nhưng là người nhận phôi đề, hưởng lợi nhiều nhất nên vai trò của bị cáo L cao hơn bị cáo T. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá mức độ hành vi của các bị cáo và có sự phân hóa vai trò đồng phạm, tuyên xử phạt bị cáo L là 01 năm 03 tháng tù và bị cáo T 01 năm tù, là mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp với tính chất, hành vi của các bị cáo. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết mới bổ sung cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Toàn Minh L, Nguyễn Thị Thu T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2026/HS-ST ngày 26/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo không tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thu T và Toàn Minh L được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm, có đủ cơ sở xác định: Từ giữa tháng 12 năm 2024, các bị cáo Bùi Văn D, Nguyễn Thị Thu T bắt đầu bán số đề cho các đối tượng mua số đề rồi giao lại cho Toàn Minh L nhằm hưởng tiền chênh lệch (25%). Các bị cáo

ghi các số đề này vào 01 quyển vở học sinh, đồng thời giao cho các đối tượng này 01 tờ giấy nhỏ (có ghi số mà họ đã mua) để đối chiếu khi trúng. Riêng ngày 31/12/2024, tại nhà của vợ chồng các bị cáo Nguyễn Thị Thu T và Bùi Văn D thuộc khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Nguyễn Thị Thu T và Bùi Văn D đã có hành vi bán số đề cho 11 đối tượng mua số đề với tổng số tiền là 7.179.000 đồng để giao lại cho Toàn Minh L nhằm hưởng tiền chênh lệch. Hành vi của các bị cáo thực hiện đã hội đủ các yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Thị Thu T, Toàn Minh L, Bùi Văn D về tội danh, điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thu T, Toàn Minh L, Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã giao nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T 01 năm tù và xử phạt bị cáo Toàn Minh L 01 năm 03 tháng tù là phù hợp, không nặng. Các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không cung cấp thêm tình tiết mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, để đảm bảo tính răn đe đối với các bị cáo cũng như công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 18/2026/HS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo của các bị cáo được không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thu T, Toàn Minh L. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2026/HS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Toàn Minh L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Thị Thu T, Toàn Minh L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Phòng Hồ sơ - Công an TP.HCM;
- Tòa án nhân dân khu vực 18 - TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - TP.HCM;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP, 20. (76)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huỳnh Đức

Nguyễn Hữu Lâm

Nguyễn Thanh Tùng